TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 312/2024/HS-ST
Ngày: 27/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Liễu

Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024. Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 339/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1973; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, chỗ ở hiện nay: Số A, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T1 (chết) và bà Trần Thị T2 (chết); Vợ bị cáo: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1969. Con: có 01 người con. Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 27/6/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 12 tháng. Ngày 05/6/2012 chấp hành xong Quyết định, đã xoá tiền sự. Ngày 19/4/2023 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 12/6/2023, bị khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú, bị can bỏ trốn. Đến ngày 20/9/2024, bị bắt theo Quyết định truy nã số 31, ngày 16/10/2023 của Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R, bị tạm giữ đến ngày 22/9/2024 chuyển tạm giam theo Lệnh số 999. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố R. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

Anh Danh C, sinh ngày 10/12/1993; Địa chỉ: Số H, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Trung H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Người làm chứng:

Anh Châu Thanh T4, sinh năm 1994; Địa chỉ: Nhà T đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 2003; Địa chỉ: Nhà T đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 19/4/2024, Trần Văn T đến xin việc tại công trình trạm điện, số F đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được nhận vào làm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, trong lúc đi vệ sinh, T phát hiện phía sau công trình có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng – đen, biển số 68E1-148.32 của anh Danh C đang để phía sau công trình không ai trông giữ nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh thấy không có người, T liền đi đến lấy trộm xe mô tô của anh Danh C. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T mang xe mô tô lấy trộm được mang đến nhờ vợ chồng chị Lê Thị Ngọc B, anh Châu Thanh T4 tìm nơi cầm giúp. Khi đó, T nói với anh T4 xe trên là của T, do kẹt tiền nên mang đi cầm, thì anh T4 đồng ý và mang xe mô tô trên đến cầm cho anh Lê Trung H số tiền là 2.200.000 đồng. Số tiền cầm xe anh T4 đưa toàn bộ cho T và T đã sử dụng cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, đến khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Danh C phát hiện xe mô tô của mình bị mất trộm nên đến Công an phường V trình bày. Qua kiểm tra, xác minh, cơ quan Công an xác định T là người thực hiện hành vi phạm tội nên mời T làm việc. Quá trình làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 87/KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R, kết luận như sau: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen, dung tích 97, số máy HC12E5589607, số khung HHC1216DY589553, biển số 68E1-148.32, tại thời điểm ngày 19/4/2023 có giá trị 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Về việc thu giữ và xử lý tang vật vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen, dung tích 97, số máy HC12E5589607, số khung HHC1216DY589553, biển số 68E1-148.32, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố R đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Danh C, theo Quyết định xử lý vật chứng số 3796/QĐ-ĐTTH ngày 04/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố R.

Tại Cáo trạng của Viện kiểm sát số: 354/CT-VKSRG ngày 30/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Trần Văn T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về vật chứng*: Tài sản bị trộm cắp đã giao trả cho người bị hại anh Danh C theo Quyết định xử lý vật chứng số 3796/QĐ-ĐTTH ngày 04/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố R nên đề nghị miễn xét.

- *Về trách nhiệm dân sự*:

Người bị hại anh Danh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe là 2.200.000 đồng, bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của anh H và đã khắc phục được số tiền 1.100.000 đồng, số tiền còn lại là 1.100.000 đồng bị cáo chưa khắc phục. Tại phiên toà, anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.100.000 đồng nên đề nghị không xem xét.

- *Về án phí*: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại Tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa: Bị hại Danh C vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại Danh C.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 8 giờ tại công trình trạm điện, số F đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, Trần Văn T đã lợi dụng sự sơ hở của anh Danh C đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng – đen, biển số 68E1-148.32 của anh Danh C, trị giá 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), mục đích sử dụng để bán lấy tiền tiêu xài. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cũng phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 354/CT-VKSRG ngày 30/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp, quyền quản lý tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, biết quý trọng sức lao động của bản thân và của người khác.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần cho bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai thì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là anh Danh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe còn nợ là 1.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố R đã trả lại 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen, dung tích 97, số máy HC12E5589607, số khung HHC1216DY589553, biển số 68E1-148.32, đã qua sử dụng cho anh Danh C, theo Quyết định xử lý vật chứng số 3796/QĐ-ĐTTH ngày

04/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố R nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/9/2024.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại Danh C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe còn nợ là 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tài sản bị trộm cắp gồm: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen, dung tích 97, số máy HC12E5589607, số khung HHC1216DY589553, biển số 68E1-148.32 đã trả lại cho bị hại Danh Cường theo Quyết định xử lý vật chứng số 3796/QĐ-ĐTTH ngày 04/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố R.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

8. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/12/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:
- TAND Tỉnh KG;
- VKS TP Rạch Giá;
- Chi cục THADS TP Rạch Giá;
- Công an TP Rạch Giá;
- Sở Tư Pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên